



BỘ XÂY DỰNG
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội
Tel: 024.37544196 - Email: vkhcnxd@ibst.vn - Website: www.ibst.vn

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG**

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số: A-701 ký ngày 19/02/2008 do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp.

- Mã số doanh nghiệp: 0100408233

- Mã số định danh điện tử: 001209600183

- Địa chỉ: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 024. 3754 4196

- Tên phòng thí nghiệm: **PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ HÓA PHẨM XÂY DỰNG**

- Mã số: **LAS-XD 10/IBST**

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 81 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội

- Email: ibst.tdbm@gmail.com

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I	XI MĂNG, CLANKE XI MĂNG			
1	Xác định thành phần hóa của các xi măng các loại: MKN, CKT, SiO ₂ , Fe ₂ O ₃ , Al ₂ O ₃ , CaO, MgO, SO ₃ , S ²⁻ , Cl ⁻ , CaO _{td} , K ₂ O, Na ₂ O, TiO ₂ , MnO, CO ₂	TCVN 141:2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, tủ hút ẩm, quang phổ hấp thụ, quang phổ kế, máy đo pH	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng Cồ Thị Thu Hiền
2	Xác định độ mịn	TCVN 13605:2023; ASTM C204	Cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy	
3	Xác định khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; ASTM C188	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình tỷ trọng	
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn	TCVN 6017:2015; ASTM C187; ISO 9597	Cân kỹ thuật, máy trộn, dụng cụ vica	
5	Xác định thời gian đông kết	TCVN 6017:2015; ASTM C191; ISO 9597	Cân kỹ thuật, máy trộn, dụng cụ vica	
6	Xác định độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ISO 9597	Cân kỹ thuật, máy trộn, tủ dưỡng hồ, thiết bị ổn định thể tích Le Chatelier.	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
7	Xác định khả năng giữ nước	TCVN 9202:2012	Cân kỹ thuật, máy trộn xi măng, dụng cụ xuyên.	
8	Xác định độ đông cứng sớm bằng dụng cụ Vicat	TCVN 10653:2015; ASTM C451	Máy trộn, cân kỹ thuật, dụng cụ Vicat	
9	Xác định sự thay đổi chiều dài thanh vữa trong dung dịch sulfat	TCVN 6068:2020; TCVN 7713:2007; TCVN 8877:2011; ASTM C151	Cân kỹ thuật, máy trộn, khuôn tạo mẫu, tủ dưỡng hồ, đồng hồ đo biến dạng	
10	Xác định nhiệt thủy hoá	TCVN 11970:2018; ASTM C186; EN 196	Nhiệt lượng kế	
11	Xác định cường độ uốn, cường độ nén	TCVN 6016:2011; TCVN 9488:2012; ASTM C109; EN 196	Máy nén, gá uốn	
II CỐT LIỆU CHO VỮA VÀ BÊ TÔNG				
12	Xác định thành phần hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng Cồ Thị Thu Hiền
13	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-4:2006; TCVN 6221:1997; ASTM C127	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
14	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C29; ASTM C70; ASTM C127	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
15	Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 6221:1997; TCVN 7572-6:2006; ASTM C29M	Thùng đóng, cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá kim loại	
16	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 6221:1997; TCVN 7572-7:2006; ASTM C566	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
17	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142; ASTM C117; EN 933	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu	
18	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40	Ống đóng, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, sàng, thang màu để so sánh, thuốc thử	
19	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938	Máy nén, máy khoan và máy cưa đá, máy mài, thước kẹp, thùng ngâm mẫu	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
20	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 6221:1997; TCVN 7572-11:2006; ASTM C131	Máy nén, cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
21	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131	Máy Los Angeles, cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy	
22	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM C117	Cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ sấy	
23	Xác định khả năng phản ứng kiềm- silic	TCVN 7572-14:2006; ASTM C1293	Cân kỹ thuật, cân phân tích, tủ sấy, lò nung, búa, cối chày bằng đồng hoặc bằng gang để đập và nghiền cốt liệu, sàng, bình phản ứng, bình điều nhiệt, máy hút chân không.	
24	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006; ASTM C1152; ASTM C1218	Máy khoan cầm tay, cân phân tích, tủ sấy, sàng, bếp điện, bình hút ẩm	
25	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng	
26	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích, tủ sấy, sàng	
27	Xác định khối lượng mất khi đun sôi	TCVN 6221:1997	Cân kỹ thuật, bếp điện	
28	Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	ASTM C123	Cân kỹ thuật, thùng chứa, lò nung, sàng, tỷ trọng kế	
29	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 75 μm	TCVN 9205:2012	Cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy	
III PHỤ GIA HOÁ HỌC, PHỤ GIA KHOÁNG CHO BÊ TÔNG VÀ XI MĂNG				
30	Xác định hàm lượng sót sàng 45 μm , 80 μm	TCVN 8825:2011; TCVN 8827:2020; TCVN 10302:2014	Sàng, vòi phun, cân kỹ thuật	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc
31	Xác định chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 4315:2024; TCVN 6882:2016; TCVN 8827:2011; TCVN 10302:2014	Tủ dưỡng hộ, máy trộn, bàn dẫn, cân kỹ thuật, máy nén	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng Cồ Thị Thu Hiền
32	Xác định lượng nước trộn tối đa so với mẫu đối chứng, xác định thời gian đông kết.	TCVN 8826:2024	Cân kỹ thuật, máy trộn	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
33	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8826:2024	Tỷ trọng kế	
34	Xác định độ pH	TCVN 8826:2024	Thiết bị đo pH	
35	Xác định hàm lượng chất khô, hàm lượng tro	TCVN 8826:2024	Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung	
36	Xác định hàm lượng ion clo	TCVN 8826:2024	Máy đo điện thế hoặc máy đo pH, điện cực bạc, bình chứa muối bạc cầu, điện cực đối chứng calomen, cân kỹ thuật.	
IV HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG				
37	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022; ASTM C138; EN 12350-6	Cân kỹ thuật, thùng đong, thước lá bằng thép	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
38	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143	Máy trộn bê tông, côn thử độ sụt, thước đo	
39	Xác định độ chảy loang	TCVN 12209:2018; ASTM C1611	Máy trộn bê tông, côn thử độ sụt, thước đo	
40	Xác định độ tách vữa và tách nước của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; ASTM C232; EN 12350-4; EN 480-4	Sàng, cân kỹ thuật, pipet, ống đong	
41	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403	Máy trộn, bộ sàng, dụng cụ thử xuyên.	
42	Xác định hàm lượng bọt khí bằng phương pháp áp suất	TCVN 3111:2022; ASTM C173; ASTM C231; EN 12350-7	Máy trộn, bình thử hàm lượng bọt khí của HGBT	
43	Phân tích thành phần của hỗn hợp bê tông	EN 12350-19	Cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy	
44	Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012; ASTM C1064; EN 12350-19	Máy trộn, nhiệt kế	
45	Xác định hàm lượng cốt sợi trong hỗn hợp bê tông	EN 1170-2,3	Cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy	
46	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022; ASTM C642; EN 12390-7	Cân kỹ thuật, máy nghiền bi, bình tỷ trọng, tủ sấy, bình hút ẩm	
47	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022; TCVN 9030:2017	Cân kỹ thuật, thước đo, tủ sấy, bình hút ẩm	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
48	Xác định pH bằng máy đo pH	TCVN 9339:2012	Thiết bị đo pH, sàng	
49	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022; TCVN 9030:2017; ASTM C39; ASTM C42; EN 12504-1	Máy nén, thước kẹp	
50	Xác định cường độ lắng trụ, mô đun đàn hồi	TCVN 5726:2022; ASTM C496	Máy nén, thước kẹp, đồng hồ đo biến dạng	
51	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C78; ASTM C293; EN 1170; EN 12390	Thước kẹp, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy nén, máy kéo uốn đa năng	
52	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022; ASTM C496; EN 12390	Máy nén, thước kỹ thuật	
53	Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 3114:2022	Thước kẹp, cân kỹ thuật, tủ sấy, máy mài mòn bề mặt	
54	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; TCVN 9030:2017; ASTM C97; ASTM C642; EN 1170; EN 12390-7	Thước, cân kỹ thuật, tủ sấy	
55	Xác định độ chống thấm nước – phương pháp vết thấm	TCVN 3116:2022; EN 12390	Cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ sấy, máy đo độ thấm nước chuyên dụng	
56	Xác định hệ số thấm nước	TCVN 8219:2009; ASTM C1585	Cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ sấy, bình hút ẩm, máy đo độ thấm nước	
57	Xác định độ co khô	TCVN 3117:2022; TCVN 9030:2017; EN 12390; ISO 1920-9	Khung đo, đồng hồ đo biến dạng, buồng dưỡng hộ	
58	Xác định từ biến của bê tông	EN 12390-17; EUROCODE 2	Máy nén, bộ khung thử từ biến, đồng hồ đo biến dạng	
59	Xác định biến dạng ẩm của bê tông	EN 1170	Thước kẹp, tủ sấy, tủ vi khí hậu	
60	Xác định độ bền băng giá	TCVN 12393:2018; EN 1170	Tủ vi khí hậu, cân kỹ thuật, thước kẹp, máy nén, máy nén đa năng	
V	VỮA XÂY DỰNG			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
61	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022; TCVN 9028:2011; TCVN 9034:2011	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc
62	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; EN 1170	Máy trộn xi măng, cân kỹ thuật, cân đo độ lưu động, đồng hồ bấm giây	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng Cồ Thị Thu Hiền
63	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Máy trộn xi măng, cân kỹ thuật, cân đo độ lưu động	
64	Xác định độ chảy	TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018; ASTM C939; EN 445; EN 1170	Máy trộn xi măng, cân kỹ thuật, cân đo độ lưu động	
65	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; TCVN 9028:2011; TCVN 9034:2012; TCVN 9080:2012	Cân kỹ thuật, máy trộn, thiết bị xuyên thử thời gian đông kết	
66	Xác định độ tách nước	TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018; ASTM C940; EN 445	Máy trộn, cân kỹ thuật, ống đong	
67	Xác định khối lượng thể tích vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Máy trộn, cân kỹ thuật, ca đong	
68	Xác định khối lượng thể tích vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật, thước kẹp	
69	Xác định sự thay đổi chiều dài của mẫu vữa đóng rắn	TCVN 9204:2012; ASTM C157	Máy trộn, khung đo, đồng hồ đo biến dạng	
70	Xác định thay đổi thể tích theo phương pháp ống đứng	TCVN 11971:2018; ASTM C940	Máy trộn, ống đong	
71	Xác định cường độ uốn và nén	TCVN 3121-11:2022; TCVN 7899-4:2008; TCVN 9080:2012; TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018; ASTM C109; ASTM C348; ASTM C1107	Thước kẹp, máy nén vữa	
72	Xác định cường độ bám dính	TCVN 3121-12:2022; TCVN 9349:2012; TCVN 7899:2008; TCVN 9028:2011; TCVN 9080:2012; TCVN 13480-8:2021; ASTM C1583; ISO 13007	Thước kẹp, máy khoan cầm tay, máy kéo nhỏ, uốn đa năng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
73	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022; ASTM C1218	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, buret, pipet, sàng, bình định mức, máy lắc hoặc máy khuấy từ, hóa chất	
74	Xác định độ hút nước mao dẫn của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
75	Xác định độ hấp thụ nước	TCVN 9028:2011; TCVN 9080-6:2012; ASTM C1403	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
76	Xác định độ co ngót	TCVN 7899-4:2008	Thước kẹp, đồng hồ đo biến dạng	
77	Xác định độ co ngót và hệ số giãn nở nhiệt	TCVN 9080:2012	Thước kẹp, tủ sấy, đồng hồ đo biến dạng	
78	Xác định hàm lượng bột khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:2012; ASTM C185	Máy trộn, cân kỹ thuật, bình đo bột khí	
79	Xác định sản lượng của vữa	ASTM C1107; ASTM C185	Cân kỹ thuật	
80	Xác định độ chịu axit và hệ số bền axit	TCVN 9034:2011; TCVN 9080-7:2012	Thước kẹp, máy nén, hóa chất	
81	Xác định thời gian mở	TCVN 7899-2:2008; ISO 13007	Máy kéo đa năng	
82	Xác định độ trượt	TCVN 7899-2:2008; ISO 13007	Máy trộn, thước kỹ thuật	
83	Xác định biến dạng ngang	TCVN 7899-2:2008; EN 13892; ISO 13007	Thước kẹp, máy kéo đa năng, khuôn đúc	
84	Xác định độ chịu mài mòn sâu	TCVN 7899-4:2008	Thước kẹp, cân kỹ thuật, máy thử mài mòn sâu	
85	Xác định độ cứng bề mặt	TCVN 13480-6:2021	Bi thép, máy nén đa năng	
VI	KEO EPOXY, KEO XẮM KHE			
86	Xác định độ nhớt	TCVN 7952-1:2008	Thiết bị đo độ nhớt	Lưu Văn Nam
87	Xác định độ chảy sệt	TCVN 7952-2:2008	Cân kỹ thuật, thước kẹp	Nguyễn Thị Bích Ngọc
88	Xác định độ chảy, khả năng đùn chảy	TCVN 8267-1,2:2009	Thước kẹp	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên
89	Xác định cường độ dính kết	TCVN 7952-4:2008	Cân kỹ thuật, thước kẹp, máy nén	Nguyễn Văn Dũng Cồ Thị Thu Hiền
90	Xác định cường độ liên kết	TCVN 7952-11:2008	Cân kỹ thuật, thước kẹp, máy nén	
91	Xác định độ hấp thụ nước	TCVN 7952-5:2008	Cân kỹ thuật	
92	Xác định nhiệt độ biến dạng dưới tải trọng	TCVN 7952-6:2008	Thước kẹp, máy kéo đa năng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
93	Xác định hệ số ngót sau khi đóng rắn	TCVN 7952-8:2008	Thước kẹp, cân kỹ thuật	
94	Xác định cường độ chịu nén và mô đun đàn hồi khi nén ở điểm chảy	TCVN 7952-9:2008	Cân kỹ thuật, thước kẹp, máy nén đa năng	
95	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt	TCVN 7952-10:2008; ASTM D638	Cân kỹ thuật, thước kẹp, máy kéo đa năng	
96	Xác định cường độ bám dính	TCVN 8267-6:2009; TCVN 9349:2013; ASTM D4541; ASTM D7234	Cân kỹ thuật, thước kẹp, máy kéo đa năng	
97	Độ bền hóa học: khả năng chịu kiềm, khả năng chịu xăng, khả năng chịu nước muối, khả năng chịu axit,...	TCVN 9014:2011; ASTM D543	Cân kỹ thuật, thùng chứa mẫu, hóa chất	
98	Phương pháp thử mù muối	TCVN 8792:2011	Cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ vi khí hậu	
99	Xác định độ cứng Shore A	TCVN 8267-3:2009; TCVN 1595-1; ASTM D2240	Đồng hồ đo độ cứng	
100	Xác định ảnh hưởng của lão hóa nhiệt đến sự tổn hao khối lượng, tạo vết nứt và phân hóa	TCVN 8267-4:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
101	Xác định thời gian không dính bề mặt	TCVN 8267-5:2009	Cân kỹ thuật, đồng hồ đo thời gian	
VII	GẠCH, ĐÁ			
	Gạch xây:			
102	Xác định kích thước và khuyết tật	TCVN 6355-1:2009; ASTM C67	Thước kẹp	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
103	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009; ASTM C67	Máy nén, máy cắt	
104	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009; ASTM C67	Máy nén, gá uốn	
105	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009; ASTM C67	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
106	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009; ASTM C67	Cân kỹ thuật, thước kẹp	
107	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009; ASTM C67	Cân kỹ thuật, thùng chứa	
108	Xác định vết tróc do vôi,	TCVN 6355-7:2009; ASTM C67	Thước kỹ thuật, thùng chứa	
109	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009; ASTM C67	Tủ sấy, khay ngâm mẫu	
110	Xác định chiều dày thành vách	TCVN 6355-6:2009; ASTM C67	Thước kỹ thuật	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
Gạch bê tông:				
111	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016; ASTM C140; ASTM C426	Thước kẹp	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc
112	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6477:2016; ASTM C140; ASTM C426	Máy nén, thước kỹ thuật	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
113	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140; ASTM C426	Khung thử thấm, ống đo nước, khay chứa mẫu	
114	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016; ASTM C140; ASTM C426	Cân kỹ thuật, thước đo	
115	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140; ASTM C426	Tủ sấy, cân kỹ thuật	
Gạch bê tông nhẹ:				
116	Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt; Kiểm tra khuyết tật ngoại quan	TCVN 9030:2017; ASTM C567; EN 15304	Thước kỹ thuật	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
117	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017; ASTM C567; EN 15304	Máy nén, thước kẹp	
118	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017; ASTM C567; EN 15304	Thước kẹp, tủ sấy, cân kỹ thuật	
119	Xác định độ co khô	TCVN 9030:2017; ASTM C567; EN 15304	Tủ sấy, cân kỹ thuật, đồng hồ đo biến dạng	
120	Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017; ASTM C567; EN 15304	Tủ sấy, cân kỹ thuật	
Gạch gốm ốp lát:				
121	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Thước kỹ thuật các loại; thiết bị đo chất lượng bề mặt	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
122	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm	Nguyễn Văn Dũng
123	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Máy kéo uốn đa năng, thước kẹp	
124	Xác định độ bền va đập bằng cách đo hệ số phản hồi	TCVN 6415-5:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Thiết bị thả rơi bi, thiết bị đo thời gian phản hồi	
125	Xác định độ chịu mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Máy cắt, tủ sấy, máy mài mòn sâu	
126	Xác định độ chịu mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Máy cắt, tủ sấy, máy mài mòn bề mặt	
127	Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-8:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Tủ vi khí hậu, thước kẹp, bình hút ẩm, tủ sấy	
128	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Tủ sấy, lò nung	
129	Xác định hệ số giãn nở ẩm	TCVN 6415-10:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Thước kẹp, khung đo có gắn đồng hồ đo biến dạng	
130	Xác định độ bền rạn men đối với gạch men	TCVN 6415-11:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Nồi hấp	
131	Xác định độ bền băng giá	TCVN 6415-12:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Tủ vi khí hậu	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
132	Xác định độ bền hoá học	TCVN 6415-13:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Cân phân tích, tủ sấy, đèn soi, hóa chất	
133	Xác định độ bền chống bám bẩn	TCVN 6415-14:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Tủ sấy	
134	Xác định độ thôi chì và cadimi của gạch phủ men	TCVN 6415-15:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Máy quang phổ, hóa chất và thuốc thử	
135	Xác định hệ số ma sát	TCVN 6415-17:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Con trượt cao su, đồng hồ đo lực	
136	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs.	TCVN 6415-18:2016; TCVN 13113:2020; EN 14411; ISO 10545; ISO 13006	Bộ đo độ cứng thang Mohs	
Gạch lát nền Terrazo, granito:				
137	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 7744:2013	Thước kẹp, đèn quan sát	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
138	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013	Tủ sấy, cân điện tử	
139	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 7744:2013	Thước kẹp, cân kỹ thuật, máy mài đĩa	
140	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013	Máy nén, gá uốn	
141	Xác định độ bền băng giá	TCVN 7744:2013	Tủ sấy, cân kỹ thuật, tủ vi khí hậu	
Đá ốp, lát:				
142	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước	TCVN 4732:2016; TCVN 6415:2016	Thước kỹ thuật	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
143	Xác định độ hút nước và khối lượng thể tích	TCVN 6415:2016	Tủ sấy, cân kỹ thuật	
144	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415:2016	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng	
145	Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016; TCVN 6415:2016	Máy mài mòn bề mặt	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
VIII GỖ				
146	Xác định kích thước tấm	TCVN 11904:2017	Thước kẹp	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng Cồ Thị Thu Hiền
147	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 11905:2017; TCVN 11204:2015; TCVN 13707-1:2023; TCVN 8046:2009; TCVN 11352:2016	Cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ sấy	
148	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 11907:2017; TCVN 13707-2:2023; TCVN 11352:2016; TCVN 5694:2014; ISO 9427	Cân kỹ thuật, thước kẹp	
149	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm một phần nước	TCVN 11950:2018	Thước kẹp, thùng chứa mẫu	
150	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	TCVN 12445:2018	Thước kẹp, thùng chứa mẫu	
151	Xác định mô đun đàn hồi khi uốn và độ bền uốn	TCVN 12446:2018; TCVN 13707-3,4:2023; TCVN 11352:2016	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
152	Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 12447:2018	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
153	Xác định độ bền ẩm	TCVN 7756-8:2007	Thước kẹp, máy kéo đa năng, tủ vi khí hậu	
154	Xác định chất lượng dán dính của ván gỗ dán	TCVN 7756-9:2007	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
155	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 11906:2017	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
156	Xác định lực bám giữ đinh vít	TCVN 11907:2017	Máy khoan cầm tay, máy kéo đa năng	
157	Hàm lượng formaldehyt tự do, phát tán	TCVN 11352:2016; TCVN 11569:2016; TCVN 11205:2015; TCVN 11899:2018	Cân kỹ thuật, Máy đo quang phổ	
158	Thử nghiệm nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023	Thước kẹp, máy nén	
159	Xác định ứng suất kéo song song với thớ	TCVN 13707-6:2023	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
160	Xác định ứng suất kéo vuông góc với thớ	TCVN 13707-7:2023; ISO 13061-17:2017	Thước kẹp, máy kéo đa năng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
161	Xác định ứng suất cắt song song với thớ	TCVN 13707-8:2023	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
162	Xác định ứng suất cắt vuông góc với thớ	TCVN 8048-9:2009	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
163	Xác định độ cứng va đập	TCVN 13707-11:2023	Thước kẹp, tủ sấy, cân kỹ thuật, thiết bị va đập	
164	Độ bền bằng đầu búa rơi rự do ở điều kiện nhiệt độ thấp	TCVN 11352:2016	Thước kẹp, tủ sấy, cân kỹ thuật, thiết bị va đập	
165	Xác định độ cứng tĩnh	TCVN 13707-12:2023	Thước kẹp, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy kéo đa năng	
166	Xác định độ co rút theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến	TCVN 13707-13:2023	Thước kẹp, tủ sấy, cân kỹ thuật	
167	Xác định độ co rút thể tích	TCVN 13707-14:2023	Thước kẹp, tủ sấy, cân kỹ thuật	
168	Xác định độ giãn nở theo phương xuyên tâm và phương tiếp tuyến,	TCVN 13707-15:2023	Thước kẹp, tủ sấy, cân kỹ thuật	
169	Xác định độ giãn nở thể tích	TCVN 13707-16:2023	Thước kẹp, tủ sấy, cân kỹ thuật	
170	Xác định độ bền tách	TCVN 8047:2009	Thước cặp, panme, máy kéo đa năng	
171	Xác định thay đổi kích thước theo độ ẩm tương đối	TCVN 10311:2015; ISO 16985	Cân kỹ thuật, thước kẹp, đồng hồ đo biến dạng, tủ vi khí hậu	
Gỗ dán:				
172	Thử nghiệm ngâm và tách lớp, thử nghiệm nhiệt độ cao – thấp theo chu kỳ	TCVN 11204:2015; ISO 13608; ISO 13609	Thước kẹp, cân kỹ thuật, tủ sấy, tủ vi khí hậu, máy kéo uốn đa năng	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
Gỗ ghép thanh bằng keo:				
173	Xác định kích thước	TCVN 8574:2010; TCVN 8576:2010	Thước kẹp	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc
174	Xác định độ ẩm	TCVN 11905:2017	Tủ sấy, cân kỹ thuật	Ngọc

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
175	Xác định khối lượng riêng	TCVN 5694:2014	Thước kỹ thuật, cân kỹ thuật	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
176	Xác định độ bền uốn; Xác định mô đun đàn hồi khi uốn	TCVN 13181:2020; TCVN 12466:2018; ISO 8375	Thước kỹ thuật, máy kéo uốn đa năng	
177	Xác định độ bền nén dọc thớ	TCVN 13707-5:2023	Thước kẹp, máy kéo nén đa năng	
178	Phương pháp thử độ bền trượt của mạch keo	TCVN 8576:2010	Máy kéo nén đa năng	
179	Phương pháp thử tách mạch keo	TCVN 8577:2010	Máy kéo nén đa năng	
180	Thử nghiệm tách mối nối bề mặt và cạnh	TCVN 8578:2010	Máy kéo nén đa năng	
Gỗ xốp:				
181	Xác định các kích thước	TCVN 12760:2019; TCVN 13111:2020; ISO 3867	Thước kẹp	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
182	Xác định độ giãn nở trong nước,	TCVN 12760:2019; TCVN 13111:2020; ISO 3867	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng, tủ vi khí hậu	
183	Xác định độ phục hồi	TCVN 12760:2019; TCVN 13111:2020; ISO 3867	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng, tủ vi khí hậu	
184	Xác định độ hấp thụ nước	TCVN 12760:2019; TCVN 13111:2020; ISO 3867	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng, tủ vi khí hậu	
185	Xác định khối lượng riêng biểu kiến	TCVN 12760:2019; TCVN 13111:2020; ISO 3867	Thước kẹp, cân kỹ thuật	
Gỗ ván lát sàn nhiều lớp:				
186	Xác định độ ấn lõm và vết lõm lưu lại	TCVN 11944:2018	Thước kẹp, kéo uốn đa năng	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
187	Xác định độ bền va đập	TCVN 11949:2018	Thước kẹp, thiết bị thử va đập, tủ khí hậu	
188	Xác định sự thay đổi kích thước sau khi phơi nhiễm trong điều kiện khí hậu ẩm và khô	TCVN 11951:2018	Thước kẹp, tủ khí hậu	
IX VẬT LIỆU LỘP MÁI, TẤM VÁCH				
189	Kiểm tra ngoại quan và kích thước	TCVN 1452:2023; TCVN 4435:2000; TCVN 1453:2023; TCVN 8052-2:2009	Thước kẹp	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
190	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:2023; TCVN 4435:2000; TCVN 8052-2:2009; ASTM D790	Thước kẹp, máy kéo đa năng	Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
191	Xác định độ thấm nước; Xác định độ hút nước, độ hấp thụ nước	TCVN 4313:2023; TCVN 7195:2002	Thước kẹp, cân kỹ thuật, tủ sấy	
192	Xác định độ thấm nước; Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 1453:2023; TCVN 4313:2023; TCVN 4435:2000; TCVN 8052-2:2009	Cân kỹ thuật, đồng hồ, thiết bị thử thấm	
193	Xác định khối lượng 1m ² ở trạng thái bão hòa nước	TCVN 4313:1995; TCVN 7195:2002	Thước kẹp, cân kỹ thuật	
194	Xác định độ bền băng giá	TCVN 1452:2023	Máy kéo đa năng, tủ vi khí hậu	
195	Xác định độ bền xé rách	TCVN 8052-2:2009	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
Tấm polycacbonat:				
196	Xác định sự thay đổi kích thước ở nhiệt độ cao (độ co),	TCVN 10103:2013	Thước kẹp, tủ sấy, tủ vi khí hậu	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
197	Xác định ứng suất kéo tại giới hạn chảy	TCVN 10103:2013	Thước kẹp, máy kéo đa năng, tủ vi khí hậu	
198	Xác định độ giãn dài danh nghĩa khi đứt	TCVN 10103:2013	Thước kẹp, máy kéo đa năng, tủ vi khí hậu	
199	Xác định nhiệt độ biến dạng dưới tác dụng của tải trọng	TCVN 10103:2013	Thước kẹp, tủ vi khí hậu	
200	Xác định hệ số giãn nở nhiệt tuyến tính	TCVN 10103:2013	Thước kẹp, tủ vi khí hậu, đồng hồ đo biến dạng	
Tấm xi măng sợi:				
201	Xác định kích thước, độ thẳng cạnh, và độ vuông góc	TCVN 8259-1:2009; ASTM C1185; EN 12326-2	Thước kỹ thuật	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
202	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8259-2:2009; ASTM C1185; EN 12326-2	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng	
203	Xác định khối lượng thể tích biểu kiến	TCVN 8259-3:2009; ASTM C1185; EN 12326-2	Thước kẹp, cân kỹ thuật	
204	Xác định độ co dẫn ẩm	TCVN 8259-4:2009; ASTM C1185; EN 12326-2	Thước kẹp, tủ sấy, tủ vi khí hậu, đồng hồ đo biến dạng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
205	Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8259-5:2009; ASTM C1185; EN 12326-2	Thước kẹp, tủ sấy, cân điện tử, tủ vi khí hậu	
206	Xác định khả năng chống thấm nước	TCVN 8259-6:2009; ASTM C1185; EN 12326-2	Khung thử thấm	
207	Xác định độ bền nước nóng	TCVN 8259-7:2009; ASTM C1185; EN 12326-2	Thước kẹp, tủ sấy, cân điện tử, nồi hấp	
208	Xác định độ bền băng giá	TCVN 8259-8:2009; ASTM C1185; EN 12326-2	Thước kẹp, tủ sấy, cân điện tử, tủ vi khí hậu	
209	Xác định độ bền mưa nắng	TCVN 8259-9:2009; ASTM C1185; EN 12326-2	Thước kẹp, tủ sấy, cân điện tử, máy kéo đa năng, bộ thiết bị thử mưa nắng	
Tấm thạch cao:				
210	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon, độ vuông góc của cạnh	TCVN 8257-2:2023; ASTM C473; ASTM E96	Thước kỹ thuật các loại	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc
211	Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi	TCVN 8257-2:2023	Thước kỹ thuật các loại	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên
212	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023; ASTM C473; ASTM E96	Thước kỹ thuật, máy kéo uốn đa năng	Nguyễn Văn Dũng
213	Xác định độ kháng nhỏ đỉnh	TCVN 8257-4:2023; ASTM C473; ASTM E96	Thước kỹ thuật, máy kéo uốn đa năng	
214	Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2023; ASTM C473; ASTM E96	Thước kỹ thuật, tủ vi khí hậu	
215	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2023; ASTM C473; ASTM E96	Thước kỹ thuật, cân kỹ thuật	
216	Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:2023; ASTM C473; ASTM E96	Tủ vi khí hậu	
217	Xác định độ thẩm thấu hơi nước,	TCVN 8257-8:2023; ASTM C473; ASTM E96	Tủ vi khí hậu	
Tấm aluminium:				
218	Chiều dày lớp nhôm (gồm cả sơn phủ), độ dày lớp sơn,	ASTM E376	Thước kẹp, thiết bị đo chiều dày lớp phủ	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
219	Độ bền uốn và modul đàn hồi khi uốn	ATSM D790	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng	Ngọc Nguyễn Thế Tú
220	Lực xuyên thủng và chịu cắt	ASTM D732	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng	
221	Độ bền bóc tách	ASTM D903	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng	
222	Cường độ kéo và giới hạn chảy	ASTM D638	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng	
223	Nhiệt độ làm biến dạng tấm dưới tải trọng uốn	ASTM D648	Thước kẹp, tủ sấy	
X	VẬT LIỆU HOÀN THIỆN: SƠN PHỦ, BỘT BẢ			
224	Xác định thời gian chảy bằng phễu chảy (Độ nhớt quy ước)	TCVN 2092:2013	Phễu đo độ nhớt	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng Cồ Thị Thu Hiền
225	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015	Sàng, thước đo độ mịn, tủ sấy	
226	Xác định hàm lượng chất rắn và chất tạo màng	TCVN 2093:1993; TCVN 10519:2014; ASTM D2939; ASTM D2697	Tủ sấy, cân kỹ thuật	
227	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993	Cân kỹ thuật	
228	Xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096:2015; TCVN 6557:2000	Cân kỹ thuật, thiết bị đo thời gian khô màng sơn	
229	Xác định độ bền lớp sơn theo phương thử cắt ô	TCVN 2097:2015	Bộ dao thử bảm dính cắt ô	
230	Phép thử dao động tắt dần của con lắc (độ cứng của màng)	TCVN 2098:2007	Con lắc đo độ cứng màng sơn	
231	Xác định độ bền uốn của màng	TCVN 2099:2013	Bộ thử uốn	
232	Độ bền va đập	TCVN 2100-2:2013	Thiết bị thử độ bền va đập màng sơn	
233	Xác định chiều dày màng sơn khô theo phương pháp không phá hủy	TCVN 9406 :2012	Thiết bị đo chiều dày lớp phủ	
234	Độ bền hoá chất của màng sơn/ khả năng kháng hóa chất: kiềm, xăng, nước muối, axit	TCVN 9014: 2011; TCVN 8653-3:2024; ASTM D543; ASTM F483; ASTM D1308	Cân kỹ thuật, thùng chứa, hóa chất	
235	Xác định độ rửa trôi của màng sơn	TCVN 8653-4:2024; ASTM D2486	Thiết bị rửa trôi màng sơn	
236	Xác định độ bền nước của màng sơn	TCVN 8653-2:2012; ASTM D870	Cân kỹ thuật, thùng chứa	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
237	Xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:2012; ASTM D2247	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
238	Độ chịu nhiệt	TCVN 6557:2000	Tủ sấy	
239	Xác định độ bền với chất lỏng của màng sơn	TCVN 10517-3:2014; ASTM D2792	Cân kỹ thuật, thùng chứa	
240	Độ xuyên nước	TCVN 6557:2000; TCVN 9065:2012	Cân kỹ thuật, ống gắn thử thấm	
241	Độ hấp thụ hơi nước	TCVN 8652:2020	Tủ vi khí hậu	
242	Độ bền thời tiết gia tốc	TCVN 11608-3:2016	Tủ vi khí hậu	
243	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2024	Máy khuấy, tủ vi khí hậu	
Bột bả tường:				
244	Độ mịn	TCVN 7239:2014	Sàng 0,09mm, cân kỹ thuật, tủ sấy	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng Cồ Thị Thu Hiền
245	Khối lượng thể tích	TCVN 7239:2014	Cân, ống đong	
246	Thời gian đông kết	TCVN 7239:2014	Cân, máy trộn, thiết bị thử thời gian đông kết	
247	Độ cứng bề mặt	TCVN 7239:2014	Cân kỹ thuật, máy trộn, con lắc đo độ cứng	
248	Độ giữ nước	TCVN 7239:2014	Cân điện tử, máy hút chân không	
249	Cường độ bám dính	TCVN 7239:2014	Tủ sấy, máy trộn, máy kéo uốn đa năng	
XI	VẬT LIỆU CHÓNG THẨM, VẬT LIỆU SỬA CHỮA, CHẤT DẸO, NHỰA, CAO SU			

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
250	Xác định tính chất kéo: Lực kéo đứt, cường độ chịu kéo, độ giãn dài khi đứt	TCVN 4501:2014; TCVN 4509:2020; TCVN 9067:2012; TCVN 9384:2012; TCVN 9407:2014; TCVN 13481:2022; TCVN 10308:2014; ASTM D412; ASTM D638; ASTM D2523; ASTM D5147; ASTM D2370; ASTM C864; EN 12311; ISO 527	Thước kẹp, máy kéo đa năng	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
251	Xác định độ bền nhiệt	TCVN 9067-3:2012; TCVN 13481:2022; ASTM D5147; EN 1110	Tủ sấy	
252	Xác định độ bền chọc thủng động	TCVN 9067-2:2012; ASTM D5635	Thiết bị chọc thủng, máy kéo nén đa năng	
253	Khả năng chống đâm thủng	ASTM E154	Máy kéo đa năng	
254	Xác định độ bền xé rách	TCVN 1597-1:2018; ASTM D624; ASTM D1004; EN 12310	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
255	Độ bền kháng tách mối nối chồng (T-peel Test)	ASTM D1876	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
256	Độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	TCVN 9067:2012; TCVN 12692:2020; ASTM D5385; EN 14891	Cân kỹ thuật, thiết bị thử thấm	
257	Xác định độ cứng Shore	TCVN 1595-1:2007; ASTM D2240	Đồng hồ đo độ cứng Shore	
258	Tỷ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 9407:2014, TCVN 9384:2012	Tủ sấy, cân kỹ thuật	
259	Hệ số già hóa ở 70°C	TCVN 2229:2013	Tủ sấy, cân kỹ thuật	
260	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4866:2013; TCVN 6039:2015; ISO 1183, ISO 2781	Cân kỹ thuật, thước kẹp	
261	Độ bền hóa chất	TCVN 9407:2014; ASTM D543; ISO 3472; ISO 3473	Máy kéo đa năng, thùng chứa, hóa chất	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
262	Cường độ bám dính với nền cứng	TCVN 4867:2018; TCVN 12692:2020; ASTM D903; ASTM D1000; ASTM D4541; ASTM D7234; EN 14891; ISO 813	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
263	Khả năng tạo cầu vết nứt	TCVN 12692:2020; ASTM C836; ASTM C1305/C1305M; EN 14891	Máy kéo đa năng, khuôn tạo cầu	
264	Xác định độ hấp thụ nước	ASTM D570	Thước kẹp, cân kỹ thuật	
265	Xác định khối lượng thể tích	ASTM D71	Thước kẹp, cân kỹ thuật thủy tĩnh	
266	Xác định độ trương nở thể tích	ASTM D471; ASTM D5890	Thước kẹp, cân kỹ thuật thủy tĩnh	
267	Xác định độ cứng và độ phục hồi	TCVN 13481:2022	Thước kẹp, máy kéo vạn năng, đồng hồ đo độ cứng	
268	Xác định kích thước	ASTM D3767	Thước kẹp	
269	Xác định khối lượng thể tích	ASTM D3776	Thước kẹp, cân phân tích	
Màng HDPE, TPO:				
270	Xác định độ dày của màng	TCVN 9748:2014; ASTM D6878	Thước kẹp, panme	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc
271	Xác định các thuộc tính chịu kéo	TCVN 9748:2014; ASTM D6878	Thước kẹp, cân phân tích, máy kéo đa năng	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên
272	Xác định độ bền chọc thủng	TCVN 9748:2014; ASTM D6878	Thước kẹp, cân phân tích, máy kéo đa năng	Nguyễn Văn Dũng Cồ Thị Thu Hiền
273	Khả năng chịu nhiệt ở 90°C; độ bền lão hóa nhiệt	TCVN 9067; EN 1110	Thước kẹp, tủ sấy	
274	Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp	EN 1109; ASTM D522; ASTM D1970	Thước kẹp, tủ khí hậu	
275	Khả năng kháng xé (đỉnh xuyên)	EN 12310-1	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
276	Khả năng chịu cắt tại mối nối	EN 12317-1	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
277	Cường độ bóc tách của mối nối	EN 12316-1	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
278	Độ ổn định kích thước	EN 1107-1	Tủ sấy; thước kẹp; giá đỡ mẫu	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
279	Độ kín nước (Phương pháp B: 24 giờ ở áp lực 60 kPa)	EN 1928	Máy thử thấm	
280	Cường độ bóc dính với thép	ASTM D1000	Máy kéo đa năng	
XII	VẬT LIỆU DẠNG TẤM, DẠNG CUỘN			
	Tấm nhựa thoát nước:			
281	Kích thước	ASTM D1621	Thước kẹp	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên
282	Khối lượng trên đơn vị diện tích	ASTM D1621	Thước kẹp, cân điện tử	
283	Cường độ nén	ASTM D1621	Thước kẹp, máy nén	
	Tấm cách nhiệt:			
284	Khối lượng trên đơn vị diện tích	ASTM C518; ASTM G154	Thước kẹp, cân điện tử	Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Văn Dũng
285	Độ bền nén thùng	ASTM C518; ASTM G154	Áp kế	
	Xốp cách nhiệt:			
286	Tải trọng phá hủy, đặc tính uốn	ASTM C203; ASTM C271; ISO 1209	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
287	Khối lượng thể tích	ASTM D1621; ASTM C271; ISO 845	Thước kẹp, cân kỹ thuật	
288	Khả năng hấp thụ nước	ASTM C272; ASTM D2842; ASTM D570; ISO 1663; ISO 2896	Thước, cân kỹ thuật, tủ sấy, tủ vi khí hậu	
289	Kích thước, độ dày, tỷ trọng	ASTM D1621	Thước kẹp, cân kỹ thuật	
290	Hệ số dẫn ẩm	ISO 844; ISO 7616; ISO 7850; ISO 844; ISO 2796	Cân điện tử, tủ vi khí hậu	
291	Cường độ chịu nén và độ phục hồi sau khi nén mẫu xuống 50% chiều cao ban đầu,	ASTM D1621; ISO 844	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng	
292	Độ bền nén tại điểm biến dạng 10%	ASTM D1621; ISO 844	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng	
293	Độ rã khi nén tĩnh	ISO 7616	Thước kẹp, máy kéo uốn đa năng	
294	Thay đổi kích thước sau 48 giờ ở 70 °C;	ISO 2796	Thước kẹp, tủ sấy	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
295	Độ hấp thụ nước sau 96 giờ	ASTM D2842; ISO 2896	Cân kỹ thuật, tủ vi khí hậu	
Vải địa kỹ thuật:				
296	Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:2009; ASTM D5199	Thước panme, tủ vi khí hậu	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
297	Xác định khối lượng riêng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:2009; ASTM D5261; ISO 9864	Thước panme, thước kẹp, cân kỹ thuật	
298	Xác định khả năng chịu nhiệt độ và độ ẩm	TCVN 8482:2010	Tủ vi khí hậu, tủ sấy	
299	Xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:2010	Thiết bị thử độ dẫn nước,	
300	Xác định sức bền kháng thủng bằng phép thử roi côn	TCVN 8484:2010; BS 6906-6; ISO 13433	Thước panme, thiết bị thử độ bền roi côn	
301	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:2010	Thước panme, thước kẹp, máy kéo đa năng	
302	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4595; ASTM D4632; ISO 10319	Thước panme, bộ sàng xác định kích thước lỗ	
303	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8486:2010	Thước panme, thước kẹp, thiết bị thử thấm	
304	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8487:2010; ASTM D4491	Thước panme, thước kẹp, cân kỹ thuật, máy kéo đa năng	
305	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533	Thước panme, thước kẹp, cân kỹ thuật, máy kéo đa năng	
306	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-3:2011; ASTM D4833; ASTM D6241; ISO 12236	Thước panme, thước kẹp, cân kỹ thuật, máy kéo đa năng	
307	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833	Thước panme, thước kẹp, cân kỹ thuật, máy kéo đa năng	
308	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-5:2011; ASTM D3786	Thước panme, bộ sàng xác định kích thước lỗ	
309	Xác định cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 8871-6:2011; ASTM D4751	Thước panme, thước kẹp, cân kỹ thuật, máy kéo đa năng	
Tấm trải sàn:				

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
310	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 12069:2017; ASTM D3776	Thước kẹp, cân kỹ thuật	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc
311	Xác định độ dày	TCVN 12283:2018	Thước kẹp, panme	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
Vải dệt:				
312	Xác định Tải trọng kéo đứt và độ giãn dài khi đứt	TCVN 5795:1994; ISO 13934	Thước kẹp, thước panme, cân kỹ thuật, máy kéo đa năng	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc
313	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích; kích thước	TCVN 7837:2007	Thước kẹp, thước panme, cân kỹ thuật	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
XIII VẬT LIỆU PHI KIM				
Thanh FRP				
314	Đường kính danh nghĩa	TCVN 11109:2015	Thước kẹp	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
315	Giới hạn bền kéo, độ giãn dài khi kéo	TCVN 11109:2015	Thước kẹp, máy kéo đa năng	
316	Cường độ bám dính giới hạn với bê tông	TCVN 11109:2015	Thước kẹp, bộ kích nhỏ	
317	Suy giảm giới hạn bền khi kéo sau khi nhúng trong môi trường kiềm	TCVN 11109:2015	Thước kẹp, tủ sấy, máy kéo đa năng	
Sợi polyme:				
318	Kích thước	TCVN 12392:2018; ASTM A820; ASTM C1666; ASTM D7357; ASTM D7508; EN 2062; EN 14889	Thước quang học	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
319	Cường độ bền kéo và độ giãn dài	TCVN 12392:2018; ASTM A820; ASTM C1666; ASTM D7357; ASTM D7508; EN 2062; EN 14889	Thước quang học, máy kéo đa năng	
XIV VẬT LIỆU KIM LOẠI				
320	Kích thước	ASTM C635; ISO 6892-1; ISO 7438	Thước kẹp, thước kẹp	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc
321	Chiều dày lớp phủ,	TCVN 5878:2007; TCVN 7665:2007; ASTM C635	Thiết bị đo chiều dày lớp phủ bằng phương pháp từ	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
322	Độ bám dính lớp phủ - Phương pháp cắt của lớp phủ bề mặt kim loại	TCVN 2097:2015; ASTM A90; ASTM B244; ASTM C635; ASTM D3359; ASTM D6677; ASTM E376; ISO 1461; ISO 2178; ISO 2409	Bộ thiết bị đo độ bám dính bằng phương pháp cắt	Nguyễn Văn Dũng
323	Thử kéo, uốn	TCVN 197-1:2014; TCVN 198:2008; ASTM A370; ISO 898	Thước kẹp, máy kéo nén đa năng	
324	Khả năng chịu tải trọng đều của hệ thống xương trần thạch cao	TCVN 12694:2020; ASTM C635	Khung đo thử tải trọng, đồng hồ đo biến dạng, tải trọng	
Nhôm và hợp kim nhôm:				
325	Sai lệch kích thước và hình dạng	TCVN 12513:2018	Thước kẹp	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích
326	Giới hạn bền kéo, giới hạn chảy, độ giãn dài	TCVN 12513:2018	Thước kẹp, máy kéo đa năng	Ngọc Nguyễn Thế Tú
XV	GÓM SỬ VỆ SINH			
Chậu rửa:				
327	Khả năng chịu tải	TCVN 12648:2020; EN 14688	Khung và kích thử tải trọng	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích
328	Thoát nước	TCVN 12648:2020; EN 14688	Bàn quan sát	Ngọc Nguyễn Thế Tú
329	Độ bền nhiệt	TCVN 12648:2020; EN 14688	Tủ sấy	Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
330	Độ bền hóa chất	TCVN 12648:2020; EN 14688	Bàn quan sát, hóa chất	
331	Ổn định bề mặt, khả năng làm sạch	TCVN 12648:2020; EN 14688	Bàn quan sát	
332	Bảo vệ chống tràn	TCVN 12648:2020; EN 14688	Lưu lượng kế	
333	Khả năng chống xước	TCVN 12648:2020; EN 14688	Thiết bị thử xước	
Bệ xí bệt: đặc tính xả, độ hút nước, tải trọng tĩnh				
334	Tải trọng tĩnh	TCVN 12649:2020; EN 997	Khung và kích thử tải trọng	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích
335	Đặc tính xả	TCVN 12649:2020; EN 997	Bộ khung, giấy, binhựa	Ngọc Nguyễn Thế Tú

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
336	Độ hút nước	TCVN 12649:2020; EN 997	Cân kỹ thuật, tủ sấy	Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
Bồn tiểu nam:				
337	Khả năng chịu tải	TCVN 12651:2020; EN 13407	Khung và kích thử tải	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
338	Đặc tính xả	TCVN 12651:2020; EN 13407	Bộ khung, giấy, bi nhựa	
339	Độ sâu bịt kín nước	TCVN 12651:2020; EN 13407	Thước kỹ thuật	
340	Độ hút nước	TCVN 12651:2020; EN 13407	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
Bồn tiểu nữ:				
341	Khả năng chịu tải	TCVN 12652:2020; EN 14528	Khung và kích thử tải trọng	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
342	Khả năng làm sạch	TCVN 12652:2020; EN 14528	Bàn quan sát	
343	Tốc độ chảy tràn	TCVN 12652:2020; EN 14528	Lưu lượng kế	
XVI	SẢN PHẨM BÊ TÔNG ĐÚC SẴN			
Cống hộp BTCT				
344	Khuyết tật ngoại quan, kích thước và độ sai lệch kích thước, độ vuông góc	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012	Thước kẹp, thước thép lá, bộ thước căn lá để kiểm tra vết nứt, độ dày của các lá căn (0,05 + 1,00) mm. Kính lúp có độ phóng đại từ 5 lần đến 10 lần.	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
345	Khả năng chống thấm nước	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012	Đồng hồ đo thời gian	
346	Cường độ bê tông, khả năng chịu tải	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012	Thước kẹp, thước thép lá, Máy khoan bê tông, máy ép thủy lực, khung và bộ kích thủy lực	
Tấm tường bê tông:				
347	Kích thước, ngoại quan và khuyết tật cho phép, độ vuông góc, độ bằng phẳng bề mặt, sứt vỡ	TCVN 11524:2016	Thước kẹp	Luu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
348	Độ bền nén	TCVN 11524:2016; TCVN 7575-2:2007	Thước kỹ thuật, máy nén	
349	Tải trọng uốn	TCVN 7575-2: 2007	Bộ gối và tải trọng	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
350	Cường độ va đập	TCVN 11524:2016	Bộ khung	
351	Độ bền treo vật nặng	TCVN 11524:2016	Bộ khung và tải trọng	
352	Độ hút nước	TCVN 11524:2016	Thước kỹ thuật, tủ sấy	
Bó vữa bê tông:				
353	Kích thước	TCVN 9490:2012; TCVN 10797:2015; ASTM C900	Thước kỹ thuật	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc
354	Cường độ bê tông, khả năng chịu tải	TCVN 9490:2012; TCVN 10797:2015; ASTM C900	Thước kẹp, máy nén	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
Nắp ga cống và song chắn rác, tấm 3D:				
355	Kích thước và ngoại quan	TCVN 7575:2007; TCVN 10333:2016; EN 124	Thước kẹp, thước cuộn kim loại, thước đo góc, kính đo độ rộng vết nứt	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc Nguyễn Thế Tú
356	Khả năng chịu tải	TCVN 7575:2007; TCVN 10333:2016; EN 124	Thước kẹp, khung, kích gia tải, đồng hồ đo biến dạng	Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
XVII THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				
357	Chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	Máy dò cốt thép	Lưu Văn Nam Nguyễn Thị Bích Ngọc
358	Độ bám dính nền của lớp phủ mặt kết cấu	TCVN 9349:2012; TCVN 9491:2012; ASTM C1583; ASTM D4541	Thiết bị nhỏ gạt	Nguyễn Thế Tú Nguyễn Bá Biên Nguyễn Văn Dũng
359	Cường độ nén của bê tông xác định theo phương pháp: súng bật nảy, siêu âm, kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9334:2012; TCVN 9335:2012; TCVN 13536:2022; TCVN 13537:2022; ASTM C597; ASTM C805; EN 12504-1,4	Máy siêu âm, súng bật nảy	
360	Cường độ kéo nhỏ của bê tông	TCVN 9490:2012; ASTM C900; EN 12504-3	Thiết bị kéo gia tải	
361	Cường độ kéo bề mặt, cường độ bám dính	TCVN 9491:2011; ASTM C1583	Máy khoan, thiết bị kéo gia tải	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
362	Độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt cấu kiện bê tông, độ bền của các bộ phận kết cấu BTCT	TCVN 9344:2012; TCVN 9347:2012; ASTM E2127	Bộ khung, kích gia tải (hoặc cục tải trọng), đồng hồ đo biến dạng, thước đo độ rộng vết nứt	
363	Cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020	Thước kẹp, máy khoan rút lõi, máy nén	

3. Cam kết

Tổ chức cam kết:

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố;
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

TRUNG TÂM PTCN VÀ VLXD

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2026
VIỆN KHCN XÂY DỰNG